

Bản án số: 91/2021/HS-PT
Ngày: 23- 3- 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Thẩm phán: Ông Lê Khắc Thịnh.

Bà Huỳnh Kim Oanh.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Phan Thị Kim Loan- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Bà Lưu Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 tháng 02, ngày 05 và ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2021/TLPT-HS ngày 13 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo Nguyễn Vũ L, Đỗ Trung L cùng với các bị cáo khác, do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đối với các bị cáo Nguyễn Vũ L (Chó con), Nguyễn Đình N, Huỳnh Văn Q (Quý Nhóc), Đỗ Thanh Đ, Nguyễn Nhựt L1, Lê Văn L2, Dương Gia K và Trần Phú M (M Nhỏ) và có kháng cáo của các bị cáo Đỗ Trung T (L Nở), Nguyễn Vũ L (Chó con), Nguyễn Trung H (H Nhỏ), Lê Khánh T1, Huỳnh Lê Trung N1 (N1 Heo), Nguyễn Hoàng T2, Lê Triều V và Dương Gia K đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 59/2020/HS-ST ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

- Các bị cáo kháng cáo:

1. Đỗ Trung L (L Nở) sinh ngày 27-01-1996 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Khóm 4, thị trấn M A, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Trọng H, sinh năm 1965 (chết) và bà PhA Hoàng T3, sinh năm 1968 (sống); có vợ chưa có con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 06-4-2020, Đỗ Trung L bị Ủy ban nhân dân thị trấn M A, huyện Tháp M,

tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại thị trấn về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; tạm giữ: Ngày 08-4-2020; tạm giam: Ngày 11-4-2020. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

2. Nguyễn Trung H (H Nhỏ) sinh ngày 13-4-2001 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Ấp X, xã Thạnh L3, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1976 (sống) và bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1981 (sống); vợ, con chưa có con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 28-11-2019, Nguyễn Trung H bị Công an phường An P, quận Ninh K2, L phố Cần Thơ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Say rượu, bia gây mất trật tự công cộng”; tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo đang tại ngoại (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

3. Lê Khánh T1, sinh ngày 09-10-1996 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Ấp XX, xã Trường X, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hoàng K3, sinh năm 1974 (sống) và bà Nguyễn Thị M D, sinh năm 1976 (sống); có vợ và có 01 con; tiền án; tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo đang tại ngoại (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

4. Huỳnh Lê Trung N1 (N1 Heo), sinh ngày 01-9-1995 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Ấp 6X, xã Trường X, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn T4, sinh năm 1969 (sống) và bà Lê Thị M H, sinh năm 1971 (sống); vợ, con chưa có; tiền án; tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo đang tại ngoại (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

5. Lê Triều V sinh ngày 04-5-1997 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Khóm X, thị trấn M A, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ (chết) và bà Nguyễn Thị Thanh T5, sinh năm 1975 (sống); vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ: Ngày 12-6-2020; tạm giam: Ngày 15-6-2020. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

6. Nguyễn Hoàng T2, sinh ngày 09-9-2002 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Ấp 4, xã M Đ, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng H1, sinh năm 1981 (sống) và bà Lưu Thị Thùy T5, sinh năm 1983 (sống); vợ, con chưa có; tiền án; tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo đang tại ngoại (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- Các bị cáo kháng cáo và bị kháng nghị:

7. Nguyễn Vũ L (Chó Con), sinh ngày 07-10-1997 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Ấp XX, xã Trường X, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ký L4, sinh năm 1961 (sống) và bà Trần Thị Đ1, sinh năm 1965 (sống); có vợ và có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 28-11-2019, Nguyễn Vũ L bị Công an phường An P, quận Ninh K2, L phố Cần Thơ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Say rượu, bia gây mất trật tự công cộng”; tạm giữ: Ngày 03-4-2020; tạm giam: Ngày 12-4-2020, đến ngày 03-11-2020 thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Bị cáo đang tại ngoại (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

8. Dương Gia K, sinh ngày 20-9-1998 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: khóm 1, thị trấn M An, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Trường C, sinh năm 1975 (sống) và bà Lý Kiều T5, sinh năm 1975 (sống); vợ, con: Chưa có; tiền án; tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo đang tại ngoại (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- Các bị cáo bị kháng nghị:

9. Nguyễn Đình N, sinh ngày 22-02-1998 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Khóm X, thị trấn M A, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc M1, sinh năm 1962 (chết) và bà Đình Thị H, sinh năm 1969 (sống); vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 28-7-2020, Nguyễn Đình N bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp khởi tố bắt tạm giam về hành vi “Tàng trữ trái phép chất am túy”. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

10. Huỳnh Văn Q (Huỳnh Văn Quý, Q Nhóc), sinh năm 1994 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Ấp Bình T6, xã Bình L, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn Bé C1, sinh năm 1966 (sống) và bà Nguyễn Thị Đ2, sinh năm 1960 (sống); vợ, con chưa có; tiền án; tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 06-8-2012, Huỳnh Văn Q bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 03-4-2014 (đã xóa án tích); tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo đang tại ngoại (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

11. Đỗ Thanh Đ, sinh ngày 28-3-1998 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Ấp X, xã Trường X, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Thanh T7, sinh năm 1966 (sống) và bà Phạm Thị Thanh T8, sinh năm 1969 (sống); vợ, con chưa có; tiền án; tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không.

Bị cáo đang tại ngoại (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

12. Nguyễn Nhựt L1, sinh ngày 08-4-1992 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Khóm X, thị trấn M A, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Chăn nuôi; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1973 (sống) và bà Trần Thị Tuyết V1, sinh năm 1970 (sống); vợ, con chưa có; tiền án; tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo đang tại ngoại (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

13. Lê Văn L2, sinh ngày 09-12-1996 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Ấp X, xã Thạnh L3, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Nhân viên Ngân hàng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn R (chết), cha dượng nuôi từ năm 02 tuổi tên Nguyễn Văn T9 (Nguyễn T2 Trung), sinh năm 1968 và bà Đặng Thị Bích T10, sinh năm 1975 (sống); có vợ và có 01 con; tiền án; tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo đang tại ngoại (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

14. Trần Phú M (M Nhỏ), sinh ngày 11-3-2003 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: khóm X, thị trấn M A, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Phụ giúp gia đình; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh H2, sinh năm 1980 (sống) và bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1985 (sống); vợ, con: Chưa có; tiền án; tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo đang tại ngoại (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- *Người đại diện theo pháp luật cho bị cáo Trần Phú M:*

Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1985- Mẹ bị cáo (*Có mặt*).

Địa chỉ: Khóm X, thị trấn M A, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Phú M:* Bà Lê Hồng Diễm- Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Tháp (*Có mặt*).

- *Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Trung L:* Luật sư Lê Văn Nga- Công ty TNHH Hà Đại Phát thuộc Đoàn Luật sư L phố Hồ Chí Minh (*Có mặt*).

Địa chỉ: Số 110-112, đường Lý Tự Trọng, phường Bến L, Quận 1, L phố Hồ Chí Minh.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn L2:* Luật sư Võ Thị Băng Giang- Văn phòng Luật sư Băng Giang thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (*Có mặt*).

Địa chỉ: Số 270, khóm M Tây, thị trấn M Thọ, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Khánh T1:* Luật sư Lê Văn L3- Trung tâm tư vấn pháp luật huyện Tháp M thuộc Hội luật gia huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp (*Có mặt*).

- *Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Văn Q:* Luật sư Vũ Tuấn Anh- Công ty

Luật Hợp danh Sao Mai thuộc Đoàn Luật sư L phố Hồ Chí Minh (Cố mặt).

Địa chỉ: Số 103, đường Chi Lăng, phường 3, L phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1. Ngô Văn Ngọc S (S Già), sinh năm 1997 (*vắng mặt*).

Cư trú: Ấp 6B, xã Trường X, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

2. Huỳnh Minh L5, sinh năm 1992 (*vắng mặt*).

Cư trú: Ấp X, xã Hưng T, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

3. Phạm Thanh H3, sinh năm 1997 (*vắng mặt*).

Cư trú: Ấp X, xã M Đ, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

4. Đoàn Quang K4, sinh năm 1987 (*vắng mặt*).

Cư trú: Ấp X, xã Đốc Binh K, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

5. Đặng Nguyễn Sĩ N (Sĩ Cu), sinh năm 1999 (*vắng mặt*).

Cư trú: Ấp XA, xã Trường X, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

6. Lê Trung H, sinh năm 1996 (*vắng mặt*).

Cư trú: Ấp X, xã M Q T, huyện Đ Huệ, tỉnh L1 A.

Chỗ ở: Ấp 5X, xã Trường X, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

7. Mai Xuân H, sinh năm 1996 (*vắng mặt*).

Cư trú: Ấp XX, xã Trường X, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

8. Nguyễn Giang C (Cảnh Nhỏ), sinh năm 1989 (*vắng mặt*).

Cư trú: Khóm X, thị trấn M A, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

9. Nguyễn Tuấn P (Bi), sinh năm 1993 (*vắng mặt*).

Cư trú: Khóm X, thị trấn M A, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

10. Đặng Văn Hoài T11 (Lúa), sinh năm 1993 (*vắng mặt*).

Cư trú: Ấp X, xã M Đông, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

11. Nguyễn Thanh S (Cố), sinh năm 1990 (*vắng mặt*).

Cư trú: Khóm X, thị trấn M A, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

12. Mai Phong Nhật A1, sinh năm 1997 (*vắng mặt*).

Cư trú: Khóm X, thị trấn M A, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

13. Lê Thị Xuân M2, sinh năm 2001 (*vắng mặt*).

Cư trú: Ấp X, xã Tân K, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

14. Nguyễn L N, sinh năm 2000 (*vắng mặt*).

Cư trú: Ấp X, xã Thanh L3, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

15. Ngô Quang V2, sinh năm 1990 (*vắng mặt*).

Cư trú: Ấp X, xã Tân K, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

16. Trương Thị G (Năm Ốc), sinh năm 1951 (*vắng mặt*).

Cư trú: Khóm X, thị trấn M A, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

17. Nguyễn Thu H4, sinh năm 1966 (*vắng mặt*).

Cư trú: Khóm X, thị trấn M A, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

18. Nguyễn Hoàng H5, sinh năm 1981 (*vắng mặt*).

Trong vụ án còn có các bị cáo Ngô Văn Ngọc S (S Già), Huỳnh Minh L, Phạm Thanh H, Đoàn Quang K, Đặng Nguyễn Sĩ N (Sĩ Cu), Lê Trung H, Mai Xuân H, Nguyễn Giang C (Cảnh Nhỏ), Nguyễn Tuấn P (Bi) không kháng cáo và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngô Văn Ngọc S có nơi đăng ký thường trú ở ấp XX, xã Trường X, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp. Từ nhỏ S sống cùng với gia đình ở xã Trường X, học đến lớp 9 thì nghỉ học, không có nghề nghiệp ổn định, thường xuyên giao du, tụ tập chơi bời cùng nhiều đối tượng thanh niên khác trên địa bàn xã Trường X và thị trấn M A, huyện Tháp M. Đến cuối năm 2019, S thường xuyên đến sinh sống cùng nơi cư trú với Dương Gia K (địa chỉ khóm 1, thị trấn M A, huyện Tháp M). Ngày 31-3-2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 16/CT-TTg về các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid- 19, trong đó nêu rõ:

“1. Thực hiện cách ly T1 xã hội trong vòng 15 ngày kể từ 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2020 trên phạm vi T1 quốc theo N tắc gia đình cách ly với gia đình, thôn bản cách ly với thôn bản, xã cách ly với xã, huyện cách ly với huyện, tỉnh cách ly với tỉnh, phân xưởng, nhà máy sản xuất phải bảo đảm khoảng cách an toàn, đeo khẩu trang, thực hiện khử trùng, diệt khuẩn theo quy định. Yêu cầu mọi người dân ở tại nhà, chỉ ra ngoài trong trường hợp thật sự cần thiết như mua lương thực, thực phẩm, thuốc men, cấp cứu, làm việc tại nhà máy, cơ sở sản xuất, cơ sở kinh doanh dịch vụ, hàng hóa thiết yếu không bị đóng cửa, dừng hoạt động và các trường hợp khẩn cấp khác; thực hiện nghiêm việc giữ khoảng cách tối thiểu 02m khi giao tiếp; không tập trung quá 02 người ngoài phạm vi công sở, trường học, bệnh viện và tại nơi công cộng...”

Vào ngày 01-4-2020, trong lúc uống rượu cùng với Dương Gia K, Phạm

Gia B, Nguyễn Đình N và một số người khác là bạn ngoài xã hội của S, Bảo kể lại cho S nghe về việc Huỳnh Minh L có kể với B là lúc S còn ở xã Trường X thì L đã đánh S và bắt S phải quỳ lạy. S khẳng định không có việc này và cho rằng việc L kể như vậy là nhằm xúc phạm S. Do không biết số điện thoại của L nên S điện thoại cho Đỗ Trung L để tìm gặp L, vì S cho rằng L và L thường xuyên đi chơi chung với nhau. Khi điện thoại liên lạc được với L, S hỏi sự việc L có nói nội dung như theo lời kể của B hay không thì L trả lời là không có. S hẹn L gặp mặt để nói rõ sự việc thì L đồng ý nhưng nói là đang ở xã Phú Đ, huyện Tháp M nên không gặp ngay được mà hẹn lại đến tối ngày 01-4-2020. L hứa với S sẽ đi cùng với L đến điểm hẹn để giải quyết mâu thuẫn. Sau đó, cả nhóm nghỉ uống rượu rồi đến uống nước giải khát tại khóm X, thị trấn M A, huyện Tháp M thì gặp Nguyễn Vũ L, Đặng Nguyễn Sĩ N, Nguyễn Hoàng T2, Đỗ Thanh Đ, Huỳnh Lê Trung N1 là những người bạn của S ở xã Trường X. Tại đây, S kể lại cho nhóm bạn ở Trường X nghe việc L nói xấu mình và có hẹn L ra gặp mặt để giải quyết mâu thuẫn vào tối cùng ngày.

Khi về xã Trường X, huyện Tháp M, Nguyễn Vũ L đã chủ động rủ Nguyễn Trung H, Mai Xuân H, Lê Khánh T1, Huỳnh Lê Trung N1, Lê Trung H, Đặng Nguyễn Sĩ N, Lê Văn L2, Đỗ Thanh Đ, Nguyễn Hoàng T2 lúc 19 giờ cùng ngày tập hợp tại nhà của Vũ L (địa chỉ ấp XX, xã Trường X) để cùng đi đến thị trấn M A giúp S giải quyết mâu thuẫn với L. Vũ L kêu Đ thuê xe ô tô 07 chỗ ngồi làm phương tiện để cả nhóm cùng đi, riêng T2 và Sĩ N thì đi trên xe mô tô. Trước khi đi, Trung H và Sĩ N chuẩn bị mang theo nhiều hung khí là dao tự chế, búa được để ở cốp sau xe, tất cả những người đi chung đều biết việc Trung H và Sĩ N mang theo hung khí để ở trên xe.

Đối với nhóm của Luân, khoảng 19 giờ ngày 01-4-2020, L, L rủ Huỳnh Văn Q, Phạm Thanh H, Nguyễn Tuấn P, Phạm Ngọc T, Đoàn Quang K gặp nhau tại phía trước nhà của L (địa chỉ khóm X, thị trấn M A, huyện Tháp M). Lúc này, L tiếp tục kể lại việc hẹn giải quyết mâu thuẫn với S cho mọi người nghe nên L rủ cả nhóm cùng đi đến điểm hẹn để giúp L thì cả nhóm đều đồng ý đi cùng.

Đối với S, khoảng 19 giờ ngày 01-4-2020, S cùng với K điều khiển xe mô tô đến quán của bà Trương Thị G (Năm Ốc) địa chỉ khóm X, thị trấn M A, huyện Tháp M. Tại quán có Cổ Tiến D, Nguyễn T2 G, Lê Triều V, Trần Phú M, Phạm Gia B, Nguyễn Tuấn C, Nguyễn Nhựt L1 và Võ L P là bạn ngoài xã hội của S. Tại đây, S kể lại việc mâu thuẫn với L cho mọi người cùng nghe. Sau đó, nhóm của Vũ L từ Trường X ra đến vào quán cùng nói chuyện chung với nhóm của S. Lúc này, L điện thoại cho S kêu ra quán Sao Đêm để gặp mặt nhưng S nói sợ quán Sao Đêm đóng cửa do trong thời gian phòng chống dịch Covid 19, nên hẹn nhóm của L qua khu vực sân đal phía trước Ủy ban nhân dân huyện Tháp M thì L đồng ý, trước khi đi L mang theo trong người một khẩu súng bắn đạn cao

su màu đen và một bát lửa màu trắng có hình khẩu súng.

Sau khi hẹn với L, S đi cùng xe mô tô với K, M đi cùng xe mô tô với B, D đi cùng xe mô tô với L1, G đi cùng xe mô tô với Tuấn C, V đi xe mô tô một mình đi theo sau để đi đến điểm hẹn. Trước khi đi S mang theo một con dao bấm, G mang theo một dao tự chế. Trên đường đi thì gặp Nguyễn Đình N đi xe mô tô một mình nên N cũng đi theo cùng nhóm.

Đối với nhóm của Vũ L, S kêu đi trên xe ô tô qua sau, đậu ở ngoài quan sát, khi nào xảy ra đánh nhau mới vào giúp đỡ. Nhóm đi trên xe ô tô có 10 người gồm: Vũ L, Trung H, Xuân H, H, T2, L2, T1, Sĩ N, N1 và Đ điều khiển xe. Trước khi đi, K đưa cho Sĩ N một con dao tự chế đem theo trên xe.

Trong lúc tại quán của bà G Võ L Phước có tham gia bàn bạc với nhóm của S và Vũ L về việc S đi giải quyết mâu thuẫn với L, nội dung bàn bạc theo lời khai của các bị cáo là để đi giải hòa với nhóm của L.

Đến khoảng 19 giờ 56 phút ngày 01-4-2020, nhóm của S gồm S, K, D, L1, B, M, N điều khiển xe đến khu vực phía trước Ủy ban nhân dân huyện Tháp M thì gặp nhóm của L gồm L, L, H, Q, P, T và K đã có mặt tại sân đal phía tiếp giáp với Tòa án nhân dân huyện Tháp M, nên đến dừng xe cạnh nhóm của L rồi tiến đến đứng gần tạo thành một đám đông với tổng cộng là 14 người. Thường ngày khu vực hai sân đal phía trước Ủy ban nhân dân Huyện là nơi vui chơi, tập luyện thể dục thể thao của nhiều người dân sinh sống trên địa bàn nhưng do đây là ngày đầu tiên thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31-3-2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid - 19 (Chỉ thị số 16) trong đó có nội dung cấm tập trung quá hai người tại nơi công cộng nên có rất ít người dân đi đến khu vực này.

Khi gặp nhau, S hỏi về việc L nói với người khác là đã từng đánh S và bắt S quỳ lạy thì L nói là không có. Lúc này, L có lời nói bênh vực cho L thì S lấy dao bấm từ trong người ra thách thức rủ L đánh nhau tay đôi với S nhưng L không đồng ý. S kêu Bảo đứng ra để làm chứng thì cùng lúc này, K dùng chân đạp trúng người của L làm L té ngã xuống sân. L đứng lên bỏ chạy về hướng sân đal phía tiếp giáp với phía trụ sở Cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện Tháp M, thì bị K đuổi theo dùng mũ bảo hiểm đánh, dùng tay, chân đánh đá vào người L, M dùng tay và chân đánh, đá trúng vào người của L. L tiếp tục bỏ chạy thì cùng lúc này Tuấn C (Bảnh Bổng Tối), G và V điều khiển xe mô tô đến. G cầm dao tự chế đuổi theo chém vào lưng của L làm rơi dao tự chế và G đuổi theo giữ được L đứng lại. Khi nhìn thấy L bị đánh, K đuổi theo dùng mũ bảo hiểm đánh lại G để bênh vực cho L thì bị G đánh lại bằng tay nhưng không gây ra thương tích. Được những người đi cùng vào can ngăn nên tất cả dừng lại, tiến vào khu vực gần giữa sân đal đứng tiếp tục cự cãi, thách thức đánh nhau. M nhặt con dao của G làm rơi đưa lại cho V, V đưa dao lại cho N cất giữ. Khi K, M, G đuổi theo để đánh L, Kha đuổi theo bênh vực và đánh nhau với G thì tất cả những người đi

cùng đều di chuyển theo tạo L một đám đông tổng cộng là 17 người rượt đuổi, di chuyển làm náo loạn cả khu vực này.

Hai nhóm tiếp tục cự cãi lớn tiếng với nhau về việc nhóm của S đánh L. Trong đó P, H cự cãi gay gắt với D và có lời lẽ thách thức đánh nhau. Lúc này, L lấy khẩu súng bắn đạn cao su màu đen từ trong người ra cầm trên tay để ở phía trước nhằm mục đích hù dọa lại nhóm của S. Trong lúc H cãi nhau với D, thì L đưa khẩu súng này lại cho H và lấy bật lửa có hình khẩu súng màu trắng cầm trên tay. Lúc này nhóm đi trên xe ô tô cũng đã đến và dừng xe ở phía trước Tòa án nhân dân Huyện nên S dùng tay ra dấu hiệu kêu nhóm đi trên xe ô tô đến khu vực sân dal phía trước Ủy ban nhân dân Huyện và V cũng dùng tay ra dấu hiệu rồi trực tiếp điều khiển xe mô tô đến gần kêu nhóm đi trên xe ô tô đến khu vực hai nhóm đang đứng cãi nhau. Khi nhận được dấu hiệu từ đồng bọn, Vũ L kêu Đ điều khiển xe ô tô đến dừng ở đường nhựa lối vào Ủy ban nhân dân Huyện, ngoại trừ Đ thì cả nhóm gồm 09 người còn lại trên xe ô tô đều xuống xe đứng quan sát về phía đám đông đang cãi nhau, Đ bật khóa mở cốp xe cho đồng bọn lấy bao đựng hung khí là dao, búa để xuống đường.

Cùng lúc S ra dấu hiệu cho nhóm đi trên xe ô tô đến thì Nguyễn Giang C đi xe mô tô cùng với Đặng Văn Hoài T và 05 người bạn của Giang C đến dừng xe gần nơi hai nhóm đang cãi nhau. G C vào đứng giữa hai nhóm lớn tiếng dùng lời lẽ can ngăn không cho hai nhóm đánh nhau vì đều là người quen biết với Giang C. Trong lúc can ngăn, G Cảnh lấy từ trong người ra một vật màu đen có hình dạng giống khẩu súng dọa nếu hai nhóm đánh nhau thì Giang C sẽ tự bắn vào đầu mình. Phạm Thanh H tiếp tục cự cãi với D và sử dụng khẩu súng mà L đưa bắn trúng vào chân của D gây thương tích. Lúc này, G C dùng vật có hình dạng khẩu súng màu đen bắn chỉ thiên 03 phát tạo L tiếng nổ lớn làm cả hai nhóm tản ra. Người dân đi trên đường và nhân viên bảo vệ Ủy ban nhân dân Huyện khi nghe tiếng nổ lớn phát ra từ đám đông thì rất hoảng sợ. Khi bị bắn trúng, D la lớn kêu nhóm đi trên xe ô tô rượt chém nhóm của L. Khi nghe tiếng hô của D thì T1, Trung H, Xuân H, T2, N1, Sĩ N, H cầm hung khí là dao tự chế rượt đuổi nhóm của L chạy ngược về hướng sân dal tiếp giáp với Tòa án Huyện. Khi rượt đuổi Sĩ N đưa dao tự chế lại cho K, vì đây là dao do K đưa lúc ở quán của bà G, riêng vỏ đựng dao thì Sĩ N ném lại tại hiện trường. N cầm dao tự chế của V đưa lúc đầu cùng đồng bọn rượt theo nhóm của L. Những người còn lại trong nhóm của S và nhóm đi trên xe ô tô cũng rượt đuổi và di chuyển theo nhóm, cầm hung khí tạo L một đám đông gây náo loạn cả khu vực này. Trên đường bỏ chạy, L, H liên tục đưa súng và bật lửa có hình dạng khẩu súng về phía nhóm đuổi theo nhằm mục đích hù dọa. Đ điều khiển xe ô tô ra đường Gò Tháp phía trước Ủy ban nhân dân Huyện đợi rước những đồng bọn đi chung. Đối với những người bạn đi chung với Giang C hiếu kỳ đứng xem nhưng khi nghe tiếng nổ lớn thì điều khiển xe bỏ đi, Hoài T do đi cùng với Giang C nên ở lại tại hiện trường.

Lúc bị rượt đuổi, K không bỏ chạy mà đến định lấy xe điều khiển đi thì bị Dũ, G, Tuấn C đánh nằm bất tỉnh tại sân đăl. Q điều khiển xe chở L, H và P bỏ chạy qua cầu Huyện ủy, về trốn tại nhà của Dương Văn V ở khóm 2, thị trấn M An. L bỏ chạy đến trốn tại nhà của bà Nguyễn Thu H ở khóm X, thị trấn M A và nhờ bà H điện thoại báo Công an. Khi không đuổi kịp nhóm của L, những người cầm hung khí rượt đuổi quay lại sân đăl. Trung H nhìn thấy D và những người khác đang đánh K nên cầm dao tự chế chém vào chân của K, D kêu đồng bọn đưa dao tự chế để chém K nhưng không ai đưa. S, K vào can ngăn và kè K đến nằm cạnh hàng rào của Ủy ban nhân dân Huyện. Sau đó, tất cả người trong nhóm của S và nhóm đi trên xe ô tô di chuyển bỏ chạy L nhiều hướng để rời khỏi hiện trường vì sợ lực lượng Công an đến phát hiện. Lúc này Võ L Phước điều khiển xe ô tô đến hiện trường, Hoài T kè D lên xe của P chở đi, Giang C điều khiển xe mô tô chở Hoài T rời khỏi hiện trường. Nhóm từ Trường X chạy bộ ra đường Gò Tháp lên xe để Đ chở đi, trên đường chạy nhóm này ném hung khí lại bụi cỏ ven đường nên S dừng xe để K xuống nhặt đem về ném bỏ gần khu vực quán của bà G. Đối với dao bấm của S, S khai ném bỏ lúc đi qua cầu Ngân Hàng. T điều khiển xe mô tô chở K rời khỏi hiện trường. Nhóm đi trên xe ô tô sau khi rời khỏi hiện trường thì quay trở lại quán của bà G để xem thương tích của Dũ, sau đó quay về Trường X tổ chức uống rượu tại nhà của Vũ L. D được đưa đi điều trị vết thương tại Bệnh viện Tâm Trí thuộc L phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Diễn biến hành vi phạm tội của các bị cáo đã được camera an ninh lắp đặt ở khu vực hành chính, dân cư Huyện ghi lại rất chi tiết. Hành vi tập trung L đám đông, cự cãi, đánh nhau gây thương tích, bắn súng tạo tiếng nổ lớn, bắn súng gây thương tích cho nhau của các bị cáo trong vụ án diễn ra trong thời gian các cấp, các ngành và người dân nghiêm chỉnh chấp hành Chỉ thị số 16 về phòng chống dịch bệnh Covid 19. Sự việc gây rối, gây thương tích của các bị cáo diễn ra trong thời gian trên 10 phút, gây náo loạn cả khu vực công cộng hàng ngày người dân tụ tập rất đông để tập thể dục, vui chơi, xảy ra phía trước trụ sở Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân huyện Tháp M, là cơ quan dân cử, hành chính cao nhất của Huyện, ngay cạnh bên các Cơ quan tư pháp như Tòa án, Viện kiểm sát và các ban ngành, đoàn thể khác, gây bất bình trong dư luận, gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân, tạo dư luận xấu, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh, trật tự, an T1 xã hội tại địa phương. Ngày 04-4-2020, Ủy ban nhân dân thị trấn M An, huyện Tháp M có công văn kiến nghị khởi tố, xử lý hành vi gây rối trật tự công cộng của các đối tượng có tham gia.

Nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, Công an huyện Tháp M nhanh chóng đến hiện trường vụ án. Qua công tác khám nghiệm thu giữ được 01 vỏ đạn bằng kim loại, 02 viên đạn bằng kim loại có đầu đạn bằng cao su, nhiều viên bi bằng kim loại, vỏ dao bằng gỗ và nhiều vật chứng khác có liên quan. Đối với khẩu súng bắn đạn cao su màu đen, H đem cất giấu tại ngôi nhà hoang (địa

chỉ áp 1, xã Mỹ Đ, huyện Tháp M), đến ngày 08-4-2020 thì bị thu giữ. Đối với các hung khí mà K khai nhậ đem về ném bỏ ở gần quán bà G, Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không tìm được. Đối với con dao bấm S khai ném bỏ xuống sông khi qua cầu Ngân hàng, đây là loại hung khí nhỏ trong khi lòng sông sâu, rộng, nước chảy xiết nên việc truy tìm vật chứng là không khả thi. Đối với vật có hình dạng giống khẩu súng màu trắng, L khai mang theo lên L phố Hồ Chí Minh thì bị mất trộm không tìm lại được. Đối với dao tự chế N cầm rượt đuổi nhóm của L, N khai ném lại tại hiện trường nhưng kết quả khám nghiệm không tìm được hung khí này.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 113/TgT ngày 09-4-2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đồng Tháp kết luận đối với Huỳnh Minh L như sau:

Dấu hiệu chính qua giám định: 08 vết biến đổi sắc tố da ở mu bàn chân trái, mạn sườn phải, mu bàn chân phải, hông phải, khuỷu tay phải, phía trước vai phải; 07 sẹo sâu sát da kích thước nhỏ vùng khuỷu tay phải, khuỷu tay trái, hông trái, ngón I bàn chân phải, mặt ngoài gối trái; 03 sẹo sâu sát da kích thước trung bình lòng bàn tay phải, mặt trước gối phải, mặt trước trên gối trái; 01 sẹo xây sát da kích thước lớn vùng mông- đùi trái. Kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của Huỳnh Minh L do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 18%.

Ngày 08-4-2020, L có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với người gây thương tích cho L, đến ngày 28-5-2020, L có đơn xin bãi nại, không yêu cầu xử lý.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 114/TgT ngày 09-4-2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đồng Tháp kết luận đối với Đoàn Quang Kha như sau:

Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo vết thương phần mềm ngón I bàn tay trái kích thước trung bình, sẹo vết thương phần mềm mặt trước cẳng chân trái kích thước nhỏ. Kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của Đoàn Quang Kha do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 03%.

Kha không yêu cầu xử lý hình sự đối với người đánh gây thương tích cho mình.

Về vật chứng:

- Công tác khám nghiệm hiện trường thu giữ: 01 (một) vỏ đạn bằng kim loại màu vàng; 02 (hai) viên đạn còn N bằng kim loại màu vàng (qua công tác giám định đã bắn 02 viên đạn chỉ còn lại vỏ đạn); 04 (bốn) viên bi tròn; 06 (sáu) chiếc dép; 01 (một) vỏ cây dao gỗ màu đen đỏ; 01 (một) bao thuốc lá đã khai còn lại 13 điếu; 01 (một) cái nón bảo hiểm.

- 22 (hai mươi hai) đoạn video trích xuất từ các camera an ninh khu vực hành chính huyện được lưu trong đĩa DVD-R ghi lại hình ảnh diễn biến vụ án.

- Tang vật thu giữ được: 01 (một) khẩu súng bằng nhựa màu đen, dùng để bắn pháo; 02 (hai) vòng đạn pháo (do Nguyễn Giang C giao nộp); 01 (một) khẩu

súng màu đen hiệu SIG SAUER P320 (của Phạm Thanh H).

- Tạm giữ của Ngô Văn Ngọc S: 02 (hai) điện thoại di động có lắp sim số; 01 (một) xe mô tô biển số 66M1-514.45; của Đỗ Thanh Đ: 01 (một) điện thoại di động có lắp sim số; của Lê Khánh T1: 01 (một) điện thoại di động; của Huỳnh Lê Trung N1: 01 (một) điện thoại di động có lắp sim số; của Mai Xuân H: 01 (một) điện thoại di động có lắp sim số; của Nguyễn Vũ L: 02 (một) điện thoại di động; của Đặng Nguyễn Sĩ N: 01 (một) điện thoại di động; của Lê Văn L2: 02 (hai) điện thoại di động; của Dương Gia K: 01 (một) xe mô tô loại Sirius, nhãn hiệu Yamaha, màu đen, biển số 66M1-480.04; của Lê Triều V: 01 (một) điện thoại di động, 01(một) xe mô tô biển số 66H1-3493, xe này V mượn của anh Nguyễn Văn Đ ở khóm X, thị trấn Mỹ A. Hiện các tài sản này đã trả lại cho các bị cáo và chủ sở hữu.

- Tạm giữ của Huỳnh Minh L: 01 (một) cái nón kết màu đen.

Tại Kết luận giám định số 2207/C09B ngày 20-4-2020 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại L phố Hồ Chí Minh, kết luận:

1. Khẩu súng bằng nhựa màu đen, nhãn hiệu Dianhua 383 (ký hiệu S1) gửi giám định là đồ chơi nguy hiểm, không phải là vũ khí quân dụng, không gây nguy hiểm đến tính mạng con người.

2. Khẩu súng màu đen hiệu SIG SAUER P320, trên thân súng có số 321900928 (ký hiệu S2) cỡ nòng 09mm gửi giám định là công cụ hỗ trợ, không phải là vũ khí quân dụng, sử dụng để bắn với loại đạn 09mm x 22mm đến cơ thể người có thể gây thương tích. Tiến hành bắn thực nghiệm với khẩu súng nêu trên, kết quả đạn nổ.

3. Vỏ đạn thu giữ tại hiện trường tại vị trí số 1 (ký hiệu V1) là loại đạn cỡ 09mm x 22mm thuộc danh mục công cụ hỗ trợ, không phải là vũ khí quân dụng. Dấu vết trên vỏ đạn có đặc điểm không đủ cơ sở giám định truy N.

4. 02 (hai) viên đạn thu giữ tại hiện trường tại vị trí số 2 (ký hiệu V2) và vị trí số 11 (ký hiệu V3) là loại đạn cao su cỡ 9mm x 22mm thuộc danh mục công cụ hỗ trợ, không phải là vũ khí quân dụng và sử dụng để bắn được cho khẩu súng ký hiệu S2.

5. 04 (bốn) viên bi tròn bằng kim loại thu giữ tại hiện trường vị trí số 3, 5, 12, 13 được ký hiệu lần lượt là Đ1, Đ2, Đ3, Đ4 có thể sử dụng để làm đạn cho súng bắn đạn bi, khi bắn tới cơ thể người có thể gây thương tích.

Tại Kết luận giám định số 429/KL-KTHS ngày 22-5-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, kết luận:

1. Không phát hiện dấu vết bị chỉnh sửa, cắt ghép về nội dung trong 22 (hai mươi hai) tập tin video kí hiệu từ A1 đến A22 cần giám định (đã nêu ở mục II.1).

2. Trích xuất dữ liệu 22 (hai mươi hai) tập tin video lưu trong đĩa DVD-R

ra bản ảnh và mô tả đặc điểm nội dung các hình ảnh đã trích xuất.

Kèm theo kết luận giám định có phụ lục kèm theo gồm 34 (ba mươi bốn trang).

Về trách nhiệm dân sự:

Dương Gia K đã bồi thường cho Huỳnh Minh L số tiền là 4.000.000 đồng, L đã nhận tiền và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Đoàn Quang K không yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm nên không xem xét.

Tại Bản án số 59/2020/HS-ST ngày 03- 12- 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Ngô Văn Ngọc S (S Già), Đỗ Trung L (L Nổ), Huỳnh Minh L, Phạm Thanh H, Nguyễn Vũ L (Chó Con), Đoàn Quang K, Nguyễn Trung H (H Nhỏ), Đặng Nguyễn Sĩ N (Sĩ Cu), Lê Khánh T1, Lê Trung H, Huỳnh Lê Trung N1 (N1 Heo), Mai Xuân H, Nguyễn Hoàng T2, Lê Triều V, Nguyễn Đình N, Nguyễn Giang C (C Nhỏ), Nguyễn Tuấn P (Bi), Huỳnh Văn Q (Huỳnh Văn Quý, Q Nhóc), Đỗ Thanh Đ, Lê Văn L2, Nguyễn Nhựt L1 đã phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

1.1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

+ Bị cáo Ngô Văn Ngọc S 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 03-4-2020).

+ Bị cáo Đỗ Trung L 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 08-4-2020.

1.2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Vũ L 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, trừ những ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 03-4-2020 đến ngày 03-11-2020.

1.3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo Phạm Thanh H 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 08-4-2020.

1.4. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

+ Bị cáo Nguyễn Trung H 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

+ Bị cáo Đặng Nguyễn Sĩ N 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù

tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

1.5. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

+ Bị cáo Huỳnh Minh L 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 22-7-2020.

+ Bị cáo Huỳnh Lê Trung N1 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

+ Bị cáo Nguyễn Tuấn P 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

1.6. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

+ Bị cáo Lê Khánh T1 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

+ Bị cáo Đoàn Quang K 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

1.7. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Lê Triều V 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 12-6-2020.

1.8. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Hoàng T2 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

1.9. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54; Điều 17 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Đình N 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

1.10. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

+ Bị cáo Nguyễn Giang C 02 (Hai) năm tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (Bốn) năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (ngày 03-12-2020).

Giao bị cáo Nguyễn Giang C cho Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ A, huyện Thập M, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

+ Bị cáo Lê Trung H 02 (Hai) năm tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo,

thời gian thử thách 04 (Bốn) năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (ngày 03-12-2020).

Giao bị cáo Lê Trung H cho Ủy ban nhân dân xã Mỹ Q T, huyện Đ Huệ, tỉnh L1 An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

+ Bị cáo Huỳnh Văn Q 02 (Hai) năm tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (Bốn) năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (ngày 03-12-2020).

Giao bị cáo Huỳnh Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã Bình L, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

+ Bị cáo Mai Xuân H 02 (Hai) năm tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (Bốn) năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (ngày 03-12-2020).

Giao bị cáo Mai Xuân H cho Ủy ban nhân dân xã Trường Xuân, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

1.11. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

+ Bị cáo Lê Văn L2 01 (Một) năm tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (Hai) năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (ngày 03-12-2020).

Giao bị cáo Lê Văn L2 cho Ủy ban nhân dân xã Thạnh L3, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

+ Bị cáo Nguyễn Nhật L1 01 (Một) năm tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (Hai) năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (ngày 03-12-2020).

Giao bị cáo Nguyễn Nhựt L1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ An, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

+ Bị cáo Đỗ Thanh Đ 01 (Một) năm tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (Hai) năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (ngày 03-12-2020).

Giao bị cáo Đỗ Thanh Đ cho Ủy ban nhân dân xã Trường Xuân, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2- Tuyên bố bị cáo Dương Gia K và bị cáo Trần Phú M (Mỹ Nhỏ) đã phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*” và phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

2.1. Đối với bị cáo K:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo Dương Gia K 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 52; Điều 17 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo Dương Gia K 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt tù của hai tội buộc bị cáo Dương Gia K phải chấp hành là 05 (Năm) tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2.2. Đối với bị cáo M:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo Trần Phú M 01 (Một) năm 10 (M) tháng 15 (M lăm) ngày tù, về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51;

điểm d khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo Trần Phú M 01 (Một) năm 10 (M) tháng 15 (M lăm) ngày tù, về tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt tù của hai tội buộc bị cáo Trần Phú M phải chấp hành là 03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và nêu quyền kháng cáo theo luật định.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, vào ngày 04-01-2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định số 01/QĐ-VKSĐT-P7 kháng nghị một phần Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng:

- *Về áp dụng pháp luật:*

+ Không áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự trong phần quyết định đối với bị cáo Huỳnh Văn Q.

+ Không áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự trong quyết định hình phạt đối với các bị cáo: Lê Văn L2, Nguyễn Nhựt L1, Đỗ L Đ.

+ Áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự trong quyết định hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Vũ L.

+ Không áp dụng điểm d khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự để làm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự cho 02 bị cáo Dương Gia K, Trần Phú M. Áp dụng tình tiết “Có tính chất côn đồ” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự để làm tình tiết định khung hình phạt đối với 02 bị cáo Dương Gia K, Trần Phú M.

+ Không áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự trong phần quyết định hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Đình N.

- *Về hình phạt:*

+ Giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo Huỳnh Văn Q nhưng không cho bị cáo hưởng án treo.

+ Giảm hình phạt đối với các bị cáo Dương Gia K và Trần Phú M.

+ Tăng hình phạt đối với các bị cáo Lê Văn L2, Nguyễn Nhựt L1, Đỗ L Đ.

+ Tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Vũ L.

+ Tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Đình N.

+ Phân hóa mức hình phạt, áp dụng hình phạt đối với từng bị cáo phù hợp

với từng hành vi phạm tội, đảm bảo nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội quy định tại Điều 3 Bộ luật hình sự.

* Sau khi bản án sơ thẩm được tuyên:

- Ngày 15-12-2020 bị cáo Đỗ Trung L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.
- Ngày 08-12-2020 bị cáo Nguyễn Vũ L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.
- Ngày 10-12-2020 bị cáo Nguyễn Trung H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.
- Ngày 08-12-2020 bị cáo Lê Khánh T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.
- Ngày 14-12-2020 bị cáo Huỳnh Lê Trung N1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù và xin hưởng án treo.
- Ngày 17-12-2020 bị cáo Nguyễn Hoàng T2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.
- Ngày 07-12-2020 bị cáo Lê Triều V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.
- Ngày 11-12-2020 bị cáo Dương Gia K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Đỗ Trung L, Nguyễn Vũ L, Nguyễn Trung H, Lê Khánh T1, Huỳnh Lê Trung N1, Nguyễn Hoàng T2, Lê Triều V, Nguyễn Đình N, Huỳnh Văn Q, Đỗ Thanh Đ, Nguyễn Nhựt L1, Lê Văn L2, Dương Gia K và Trần Phú Mỹ thừa nhận có hành vi vi phạm pháp luật, thừa nhận Bản án số 59/2020/HS-ST ngày 03-12-2020 của Tòa án nhân dân huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp kết án các bị cáo về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự là đúng. Các bị cáo Dương Gia K và Trần Phú Mỹ ngoài việc bị kết án về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” như đã nêu còn thừa nhận việc bị Bản án sơ thẩm kết án về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng với hành vi mà các bị cáo thực hiện, không oan, sai.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Trung H, Lê Khánh T1, Huỳnh Lê Trung N1, Nguyễn Hoàng T2, Nguyễn Vũ L, Dương Gia K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Trong đó, các bị cáo Nguyễn Vũ L và Dương Gia K ngoài việc kháng cáo còn bị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp kháng nghị, các bị cáo không đồng ý nội dung kháng nghị.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Triều V tự nguyện rút đơn kháng cáo; bị cáo Đỗ Trung L bổ sung kháng cáo xin được hưởng án treo.

Các bị cáo Nguyễn Đình N, Huỳnh Văn Q, Đỗ Thanh Đ, Nguyễn Nhựt L1, Lê Văn L2 không kháng cáo nhưng bị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp kháng nghị, tại phiên tòa các bị cáo trình bày không đồng ý nội dung kháng nghị; riêng bị cáo Trần Phú M đồng ý với kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp

vẫn giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Kiểm sát viên cho rằng hành vi của các bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm kết án về tội danh như đã nêu trên là có căn cứ. Tuy nhiên, việc áp dụng pháp luật, hình phạt đối với các bị cáo là chưa phù hợp, cụ thể:

Bị cáo Huỳnh Văn Q có nhân thân không tốt, trước đây bị cáo đã phạm tội “*Cướp tài sản*” và bị xử phạt 02 năm 06 tháng tù, chấp hành xong hình phạt vào ngày 03-4-2014 nên chưa đủ điều K để hưởng án treo, việc Tòa án sơ thẩm xử bị cáo Q 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo là chưa phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không cho bị cáo Q hưởng án treo nhưng giữ nguyên mức phạt tù như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo.

Các bị cáo Lê Văn L2, Nguyễn Nhựt L1, Đỗ Thanh Đ chỉ có một tình tiết giảm nhẹ là “*L khẩn khai báo*” ở điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xét xử các bị cáo dưới khung hình phạt rồi tiếp tục cho hưởng án treo là không phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không áp dụng Điều 54 đối với các bị cáo L2, L1, Đ và tăng hình phạt tù đối với các bị cáo này, nhưng vẫn giữ nguyên án treo.

Bị cáo Nguyễn Vũ L chủ động rủ rê các bị cáo khác cùng tham gia thực hiện tội phạm, trong đó có bị cáo Nguyễn Hoàng T2 sinh ngày 09-9-2002 (khi thực hiện hành vi phạm tội T2 chưa đủ 18 tuổi). Như vậy, Nguyễn Vũ L có hành vi xúi giục người chưa L niên phạm tội nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là chưa phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng này và tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Vũ L.

Các bị cáo Dương Gia K, Trần Phú M phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” có “*tính chất côn đồ*”, là tình tiết định khung quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự và cũng chỉ phạm tội ở điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tăng nặng theo điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là không đúng, gây bắt L3 cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm hình phạt cho 02 bị cáo.

Bị cáo Trần Phú M khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, nên mức hình phạt tù không quá $\frac{3}{4}$ mức hình phạt tù của người từ đủ trên 18 trở lên và hình phạt của bị cáo cần cân nhắc với mức hình phạt của bị cáo Nguyễn Hoàng T2 là người khi phạm tội cũng chưa đủ 18 tuổi, do đó đề nghị giảm hình phạt ở tội “*Gây rối trật tự công cộng*” cho bị cáo Mỹ.

Đối với bị cáo Nguyễn Đình N, xét thấy trước khi phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*” bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều L tích và được cơ quan có thẩm quyền khen thưởng. Việc bị cáo có hành vi “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” là phát sinh sau, nên việc quyết định hình phạt của Bản án sơ thẩm đối với bị cáo N là phù hợp. Vì vậy, Kiểm sát viên rút kháng nghị đối với bị cáo Nguyễn Đình

N tại phiên tòa phúc thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử đối với bị cáo N.

Đối với kháng cáo của bị cáo Đỗ Trung L, xét thấy bị cáo L có tình tiết giảm nhẹ mới ở cấp phúc thẩm theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự do gia đình của bị cáo có công với cách mạng. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân không tốt, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo nhưng không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo.

Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Vũ L, xét thấy bị cáo L có tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh ở cấp phúc thẩm do gia đình bị cáo có công với cách mạng, bị cáo có L tích và được cơ quan có thẩm quyền khen thưởng theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nhưng vì bị cáo có tình tiết tăng nặng ở điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, tình tiết tăng nặng này có tính chất nghiêm trọng hơn các tình tiết giảm nhẹ vừa nêu. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tăng hình phạt đối với bị cáo.

Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trung H, xét thấy bị cáo H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để xem xét, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đối với kháng cáo của bị cáo Lê Khánh T1, xét thấy bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cung cấp nhiều tình tiết giảm nhẹ mới do gia đình bị cáo có thêm nhiều người có công với cách mạng, tuy nhiên đây vẫn là các tình tiết giảm nhẹ được ghi nhận theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự ngoài tình tiết giảm nhẹ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng, trong khi mức hình phạt 02 năm tù mà Bản án sơ thẩm đã tuyên xử đã là mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt. Do đó không có căn cứ để xét xử bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà bị cáo vi phạm, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, khách thể bị tội phạm xâm hại là an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo.

Đối với kháng cáo của bị cáo Huỳnh Lê Trung N1, xét thấy bị cáo N1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù, được hưởng án treo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để xem xét chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng T2, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để xem xét,

đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đối với kháng cáo của bị cáo Lê Triều V xin giảm nhẹ hình phạt, tuy nhiên bị cáo Lê Triều V tự nguyện rút đơn kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm, nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo.

Đối với kháng cáo của bị cáo Dương Gia K, xét thấy bị cáo K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù, nội dung kháng cáo của bị cáo phù hợp với nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Luật sư Lê Văn Nga bào chữa cho bị cáo Đỗ Trung L phát biểu: Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo Đỗ Trung L mức án 03 năm tù là quá nghiêm khắc, trong vụ án này bị cáo L tham gia với vai trò hòa giải, chỉ mong muốn hàn gắn mâu thuẫn giữa các bên, sự việc gây rối trật tự công cộng xảy ra ngoài ý muốn của bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo L đã thật thà khai báo, đầu thú, đây là các tình tiết được giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ở phúc thẩm bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ mới là có ông nội và các cậu có công với cách mạng, hoàn C gia đình bị cáo khó khăn, mẹ già, cha thì mới qua đời. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng các điểm s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, áp dụng Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự xét xử bị cáo dưới khung hình phạt và cho bị cáo L được hưởng án treo.

Luật sư Lê Văn L3 bào chữa cho bị cáo Lê Khánh T1 phát biểu: Nhận thấy trong vụ án này, bị cáo Lê Khánh T1 đã L khẩn khai báo, thiệt hại mà bị cáo gây ra là không lớn, gia đình bị cáo có nhiều người có công với cách mạng, tại phiên tòa cấp phúc thẩm bị cáo xuất trình thêm nhiều người có công với cách mạng, đây là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn, sức khỏe của vợ bị cáo không tốt, con bị cáo còn nhỏ thường đau yếu, bệnh hoạn, bản thân bị cáo có nhân thân tốt. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo T1 được hưởng án treo.

Luật sư Võ Thị Băng Giang bào chữa cho bị cáo Lê Văn L2 phát biểu: Trong vụ án này bị cáo L2 L khẩn khai báo, bị cáo là lao động chính trong gia đình, gia đình bị cáo có công với cách mạng, khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã có phân hóa vai trò của bị cáo L2 so với các bị cáo khác, nên mức hình phạt mà Bản án sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là phù hợp. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp kháng nghị tăng hình phạt tù đối với bị cáo là chưa đúng. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, giữ nguyên mức hình phạt của bị cáo L2 như Bản án sơ thẩm đã tuyên.

Luật sư Vũ Tuấn Anh bào chữa cho bị cáo Huỳnh Văn Q phát biểu: Nhận thấy trong vụ án này, bị cáo Huỳnh Văn Q đã L khẩn khai báo, gia đình bị cáo

khó khăn, có công với cách mạng, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên đủ điều K được hưởng án treo. Hơn nữa, xét về nhân thân, mặc dù trước đây bị cáo Q phạm tội, bị kết án, nhưng đến nay đã được xóa án tích. Từ khi được xóa án tích đến nay khoảng 06 năm, bị cáo nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, không phạm tội mới, không bị xử lý hành chính, trong vụ án này bị cáo bị xử phạt tù 02 năm tức là bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, vai trò của bị cáo trong vụ án cũng không đáng kể. Do đó, Viện kiểm sát cho rằng bị cáo Q nhân thân không tốt, không đủ điều K hưởng án treo theo quy định của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao là chưa phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, giữ nguyên bản án sơ thẩm, xét xử bị cáo Q 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo như bản án sơ thẩm đã xét xử.

Bà Lê Hồng Diễm trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Trần Phú M phát biểu: Nhận thấy bị cáo Trần Phú M L khẩn khai báo, khi phạm tội là người dưới 18 tuổi, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng có tính chất côn đồ theo điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là bắt L3 đối với bị cáo. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, giảm hình phạt đối với bị cáo Mỹ.

Tại phần tranh luận, bị cáo Nguyễn Vũ L cho rằng không có rủ rờ Nguyễn Hoàng T2 cùng phạm tội nên không đồng ý kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp; các bị cáo khác không tranh luận. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, riêng các bị cáo Huỳnh Văn Q, Đỗ Thanh Đ, Nguyễn Nhựt L1, Lê Văn L2 đề nghị không chấp nhận kháng nghị, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo; bị cáo Trần Phú M xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm: Xét thấy Ngô Văn Ngọc S (S Già), Huỳnh Minh L, Phạm Thanh H, Đoàn Quang K, Đặng Nguyễn Sĩ N (Sĩ Cu), Lê Trung H, Mai Xuân H, Nguyễn Giang C (C Nhỏ) và Nguyễn Tuấn P (Bi) không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị nên bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật đối với những người này. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thay đổi tư cách tham gia tố tụng của họ từ bị cáo trở L người làm chứng tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp.

[2]. Căn cứ vào lời khai của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận các bị cáo có hành vi “gây rối trật tự công cộng” và “cố ý gây thương tích” vào khoảng 19 giờ 56 phút ngày 01-4-2020 tại

khu vực phía trước trụ sở Ủy ban nhân dân huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp. Đây là nơi công cộng, nơi sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư trên địa bàn và tại thời điểm thực hiện Chỉ thị số 16/CT-Ttg ngày 31-3-2020 của Thủ tướng Chính phủ về các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19, thời điểm cấm tụ tập đông người, thực hiện giãn cách để phòng chống dịch Covid-19. Vì vậy, Bản án sơ thẩm kết án các bị cáo Đỗ Trung L (L Nở), Nguyễn Trung H (H Nhỏ), Lê Khánh T1, Huỳnh Lê Trung N1 (N1 Heo), Nguyễn Hoàng T2, Lê Triều V, Nguyễn Vũ L (Chó Con), Dương Gia K, Nguyễn Đình N, Huỳnh Văn Q (Huỳnh Văn Quí, Q Nhóc), Đỗ Thanh Đ, Nguyễn Nhật L1, Lê Văn L2, Trần Phú M (Mỹ Nhỏ) về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự và ngoài ra còn kết án các bị cáo Dương Gia K, Trần Phú M về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét điều luật, hình phạt mà bản án sơ thẩm đã áp dụng và xét kháng cáo của các bị cáo, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3.1] Bị cáo Đỗ Trung L (L Nở): Kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, tại phiên tòa phúc thẩm kháng cáo xin được hưởng án treo. Xét thấy bị cáo L có 01 tiền sự “giáo dục tại thị trấn về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy”, nhưng trong vụ án này bị cáo thành khẩn khai báo, đầu thú nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xét xử bị cáo 03 năm tù. Tại Tòa án cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm các tình tiết ông nội bị cáo là Đỗ Văn B, các cậu bị cáo là ông Phan Hoàng M, ông Phan Hoàng D có công với cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh ở cấp phúc thẩm, nên chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ cho bị cáo L 01 phần hình phạt. Do bị cáo có nhân thân không tốt; tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng; xâm hại đến an ninh chính trị, trật tự an T1 xã hội tại địa phương nên không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo.

[3.2] Bị cáo Nguyễn Trung H (H Nhỏ): Kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy bị cáo có 01 tiền sự về việc bị Công an phường An Phú, quận Ninh K, thành phố Cần Thơ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “say rượu, bia gây mất trật tự công cộng”, nhưng trong vụ án này bị cáo L khẩn khai báo, Tòa án sơ thẩm xử bị cáo 02 năm 06 tháng tù là phù hợp. Bị cáo kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh, không có căn cứ để xem xét nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

[3.3] Bị cáo Lê Khánh T1: Kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo. Xét thấy, trong vụ án này bị cáo L khẩn khai báo, bị cáo có ông ngoại là ông Nguyễn Thanh S (Nguyễn Văn Bé) có công với cách mạng, bị cáo

là lao động chính trong gia đình. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xét xử bị cáo 02 năm tù. Tại Tòa án cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp nhiều huân chương khác mà ông Sang (Bé) được khen thưởng so với đã cung cấp ở cấp sơ thẩm; bị cáo còn cung cấp thêm bà cô là Nghệ Thị Đông cô Nguyễn Văn Đ có công với cách mạng; ông tư của bị cáo là liệt sĩ Nguyễn Văn T. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh ở Tòa án cấp phúc thẩm nhưng vẫn thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do hình phạt 02 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là hình phạt thấp nhất của khung hình phạt mà bị cáo vi phạm, bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên không thể áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, do đó không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo. Do tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng; xâm hại đến an ninh chính trị, trật tự an T1 xã hội tại địa phương nên không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo.

[3.4] Bị cáo Huỳnh Lê Trung N1 (N1 Heo): Kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo. Trong vụ án này bị cáo L khẩn khai báo nên Tòa án sơ thẩm đã áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ và xét xử bị cáo mức án 02 năm tù. Tại Tòa án cấp phúc thẩm bị cáo có cung cấp các tình tiết có ông nội là Huỳnh Văn B tham gia cách mạng được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất, bị cáo là dân quân xã Trường X. Đây là các tình tiết giảm nhẹ khác phát sinh ở cấp phúc thẩm nhưng vẫn thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do hình phạt 02 năm tù của bị cáo là hình phạt thấp nhất của khung hình phạt mà bị cáo vi phạm, bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên không thể áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Bên cạnh đó, xét thấy tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng; xâm hại đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy không chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và cũng chấp nhận kháng cáo cho bị cáo được hưởng án treo, nên giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

[3.5] Bị cáo Nguyễn Hoàng T2: Kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Trong vụ án này bị cáo L khẩn khai báo nên Tòa án sơ thẩm xem xét giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo T2 là người chưa đủ 18 tuổi khi thực hiện hành vi phạm tội, nên Tòa án sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 101, Điều 91 Bộ luật hình sự kết án bị cáo 01 năm 06 tháng tù. Tại Tòa án cấp phúc thẩm bị cáo không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào khác nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và xét thấy mức án nêu trên là phù hợp, do đó giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm về phần này.

[3.6] Bị cáo Lê Triều V: Kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo V rút kháng cáo. Xét thấy việc rút kháng cáo của bị cáo V là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử đối với bị cáo, Bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo V có hiệu lực pháp luật kể từ ngày đình chỉ xét xử phúc thẩm.

[3.7] Bị cáo Nguyễn Vũ L (Chó Con): Kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp kháng nghị tăng hình phạt. Bị cáo Vũ L có nhân thân không tốt do có 01 tiền sự bị Công an phường An Phú, quận Ninh K L phố Cần Thơ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “say rượu, bia gây mất trật tự công cộng”. Trong vụ án này, bị cáo L khẩn khai báo nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ và xét xử bị cáo 03 năm tù. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm các tình tiết bị cáo có người ông tên Nguyễn Văn H là liệt sĩ, ông H có huân chương kháng chiến hạng 3, bản thân bị cáo có giấy khen của Giám đốc Công an tỉnh Đồng Tháp do có L tích xuất sắc trong P trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên trong vụ án này, bị cáo L có hành vi rủ rê, xúi giục Nguyễn Hoàng T2 phạm tội khi T2 chưa đủ 18 tuổi, mặc dù bị cáo L không thừa nhận nhưng qua lời khai của các bị cáo khác tại phiên tòa phúc thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở khẳng định bị cáo L rủ rê bị cáo T2 là có thật, do đó bị cáo L còn phải chịu tình tiết tăng nặng tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xét thấy quy định tăng nặng tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự có tính chất nghiêm trọng hơn so với quy định giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, do đó chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, tăng hình phạt đối với bị cáo L và không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[3.8] Bị cáo Dương Gia K: Kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và bị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp kháng nghị giảm hình phạt. Trong vụ án này bị cáo K phạm 02 tội. Đối với tội “*gây rối trật tự công cộng*” bị cáo đã L khẩn khai báo theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với tội “*cố ý gây thương tích*” bị cáo đã bồi thường cho bị hại Huỳnh Minh L, bị cáo L khẩn khai báo nên bị cáo được giảm nhẹ theo các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với cả 02 tội danh trên, bị cáo đều có tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là do bị cáo đã từng tham gia dân quân, có ông ngoại là ông Lý L2 Q nuôi chứa cách mạng được ghi công, bị hại bãi nại cho bị cáo. Vì vậy Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo mức án 02 năm 06 tháng tù đối với mỗi tội. Tổng hợp hình phạt cho cả 02 tội là 05 năm tù. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội “có tính chất côn đồ” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là chưa chính xác, lẽ ra đây là tình tiết định khung ở điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự và bị cáo cũng chỉ bị xét xử tương ứng với hành vi phạm tội ở điểm đ khoản 2 Điều 134

Bộ luật hình sự. Do đó việc áp dụng tình tiết tăng nặng này là bất lợi cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị, giảm hình phạt cho bị cáo K ở tội “*cố ý gây thương tích*” và cũng vì vậy mà chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[3.9] Bị cáo Nguyễn Đình N: Trong vụ án này Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp kháng nghị không áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo N, tăng hình phạt đối với bị cáo. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên rút kháng nghị đối với bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo, bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo có hiệu lực pháp luật từ ngày đình chỉ xét xử phúc thẩm.

[3.10] Bị cáo Huỳnh Văn Q (Huỳnh Văn Quý, Q Nhóc): Bị cáo Q có nhân thân không tốt, thể hiện ở việc ngày 06-8-2012 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “*cướp giật tài sản*”, mặc dù Q đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích nhưng việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo Q 02 năm tù và cho Q được hưởng án treo là chưa phù hợp. Vì vậy, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, sửa bản án sơ thẩm, không cho bị cáo Q được hưởng án treo nhưng vẫn giữ nguyên mức phạt tù đối với bị cáo Q.

[3.11] Đối với các bị cáo Đỗ Thanh Đ, Nguyễn Nhật L1, Lê Văn L2: Trong vụ án này các bị cáo Đ, L1, L2 chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ ở điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xét xử các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho các bị cáo hưởng án treo là chưa phù hợp, trái với quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Vì vậy chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, không áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho các bị cáo, tăng hình phạt tù đối với các bị cáo nhưng giữ nguyên án treo.

[3.12] Đối với bị cáo Trần Phú M (Mỹ Nhỏ): Bị cáo Mỹ khi thực hiện hành vi phạm tội là người chưa đủ 18 tuổi, tuy nhiên bị cáo phạm 02 tội “*gây rối trật tự công cộng*” và “*cố ý gây thương tích*”. Đối với cả 02 tội này, bị cáo đã thành khẩn khai báo theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng đối với tội “*cố ý gây thương tích*” thì bị hại Huỳnh Minh L bãi nại nên bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo 01 năm 10 tháng 15 ngày tù đối với tội “*gây rối trật tự công cộng*” và 01 năm 10 tháng 15 ngày tù đối với tội “*cố ý gây thương tích*”. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội “*có tính chất côn đồ*” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, lẽ ra đây là tình tiết định khung ở điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự và bị cáo cũng chỉ bị truy tố, xét xử ở điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự. Do đó việc áp dụng tình tiết tăng nặng này là bất lợi cho bị cáo, nên chấp nhận kháng

ngợi, giảm hình phạt cho bị cáo ở tội “*cố ý gây thương tích*”. Đồng thời, xét thấy hình phạt của bị cáo Mỹ phải tương xứng với hình phạt áp dụng cho bị cáo T2 cũng là người khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, nên giảm hình phạt của bị cáo Mỹ ở tội “*gây rối trật tự công cộng*”.

[4] Đối với các bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng là đã phù hợp nên giữ nguyên hình phạt đối với các bị cáo này.

[5] Xét thấy phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử ghi nhận và đánh giá các phát biểu của Luật sư làm cơ sở giải quyết vụ án.

[6] Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Vũ L, Nguyễn Trung H, Lê Khánh T1, Huỳnh Lê Trung N1, Nguyễn Hoàng T2 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo bị kháng nghị (hoặc có kháng nghị và có kháng cáo được chấp nhận) là Dương Gia K, Huỳnh Văn Q, Đỗ Thanh Đ, Nguyễn Nhựt L1, Lê Văn L2, Trần Phú Mỹ; bị cáo rút kháng cáo là Lê Triều V; bị cáo được rút kháng nghị là Nguyễn Đình N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Kháng cáo của bị cáo Đỗ Trung L được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo **Lê Triều V, Nguyễn Đình N**.

Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2020/HS-ST ngày 03-12-2020 của Tòa án nhân dân huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp có hiệu lực pháp luật đối với các bị cáo Lê Triều V, Nguyễn Đình N kể từ ngày đình chỉ xét xử phúc thẩm.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Đỗ Trung L**, sửa bản án sơ thẩm.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Đỗ Trung L phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

Xử phạt bị cáo Đỗ Trung L 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 08-4-2020).

3. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Trung H**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung H phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

4. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Lê Khánh T1**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Khánh T1 phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

Xử phạt bị cáo Lê Khánh T1 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

5. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Huỳnh Lê Trung N1**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Lê Trung N1 phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Lê Trung N1 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

6. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Hoàng T2**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng T2 phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

7. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Vũ L**.

- Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh

Đồng Tháp, sửa bản án sơ thẩm.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Vũ L phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ L 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, trừ những ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 03-4-2020 đến ngày 03-11-2020).

8. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Dương Gia K** và chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, sửa bản án sơ thẩm.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Dương Gia K phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

Xử phạt bị cáo Dương Gia K 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Dương Gia K phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Xử phạt bị cáo Dương Gia K 02 (Hai) năm 03 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự.

Tổng hợp hình phạt tù của 02 tội, buộc bị cáo Dương Gia K phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

9. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

9.1 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Huỳnh Văn Q** phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn Q 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

9.2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

9.2.1. Tuyên bố bị cáo **Lê Văn L2** phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

Xử phạt bị cáo Lê Văn L2 02 (hai) năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 03-12-2020).

Giao bị cáo Lê Văn L2 cho Ủy ban nhân dân xã Thạnh L3, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Lê Văn L2 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Lê Văn L2 cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp bị cáo Lê Văn L2 phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

9.2.2. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Nhựt L1** phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhựt L1 02 (hai) năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 03-12-2020).

Giao bị cáo Nguyễn Nhựt L1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ A, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Nguyễn Nhựt L1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Nhựt L1 cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp bị cáo Nguyễn Nhựt L1 phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

9.2.3. Tuyên bố bị cáo **Đỗ Thanh Đ** phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thanh Đ 02 (hai) năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 03-12-2020).

Giao bị cáo Đỗ Thanh Đ cho Ủy ban nhân dân xã Trường X, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Đỗ Thanh Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Đỗ Thanh Đ cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp

bị cáo Đỗ Thanh Đ phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

9.3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Trần Phú M** phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

Xử phạt bị cáo Trần Phú M 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Phú M phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Xử phạt bị cáo Trần Phú M 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự.

Tổng hợp hình phạt tù của hai tội, buộc bị cáo Trần Phú M phải chấp hành hình phạt chung là 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

10. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 02- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Vũ L, Nguyễn Trung H, Lê Khánh T1, Huỳnh Lê Trung N1, Nguyễn Hoàng T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Dương Gia K, Huỳnh Văn Q, Đỗ Thanh Đ, Nguyễn Nhựt L1, Lê Văn L2, Trần Phú M, Lê Triều V, Nguyễn Đình N, Đỗ Trung L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC- Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- TA-VKS-THADS huyện Tháp M;
- CQCSĐT Công an huyện Tháp M;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bị cáo;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA.TA Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA (Loan).

Nguyễn Tuấn Anh